TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2023/DS-ST
Ngày: 24-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hồng Hải
2. Ông Nguyễn Văn Phú

- Thư ký phiên tòa: Dương Thị Ngọc Lữ – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 144/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản'' theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 537/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 675/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ – sinh năm 1959

Địa chỉ: 15 đường T, phường B, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước V – sinh năm 1982

Địa chỉ: 928 đường C, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Nguyễn Thị Hồng P – sinh năm 1966

Địa chỉ: 15 đường T, phường B, Thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2 Bà Nguyễn Thị Hải Y – sinh năm 1988

Địa chỉ: 928 đường C, Phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, N*guyên đơn - ông Đoàn Văn Đ (sau đây gọi là Nguyên đơn) trình bày:* Ngày 27/3/2020 Nguyên đơn có cho ông Nguyễn Phước V (sau đây gọi là Bị đơn) vay 2.000.000.000đ, lãi vay 2%/tháng, thời hạn vay từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/3/2022, nếu quá 1 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn nêu trên không còn giá trị, bên vay phải hoàn trả ngay vốn cho bên cho vay. Từ ngày 27/3/2020 đến nay, Bị đơn không trả gốc và lãi, Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Bị đơn trả nhưng Bị đơn không trả. Nay, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả tiền gốc và lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 27/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Tạm tính từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/01/2022 là 2.733.000.000đ (Hai tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu đồng), trong đó: Nợ gốc: 2.000.000.000đ; Nợ lãi: Từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/01/2022 là 22 tháng x 20%/năm x 2.000.000.000đ là 733.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Hồng P trình bày: Bà là vợ của Nguyên đơn, khoản tiền Nguyên đơn cho Bị đơn mượn là tiền riêng của Nguyên đơn nên bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án, niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Bị đơn, bà Yến theo đúng thủ tục tố tụng nhưng Bị đơn, bà Yến không trình bày ý kiến và không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà P, bà Y vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ‘‘tranh chấp hợp đồng vay tài sản’’ với Bị đơn do Bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà P, bà Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Nguyên đơn, Bị đơn, bà P, bà Y theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả 2.000.000.000đ nợ gốc. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay ngày 27/3/2020 giữa Nguyên đơn và Bị đơn thể hiện Nguyên đơn đồng ý cho Bị đơn vay 2.000.000.000đ; Lãi suất vay: 2%/tháng/số tiền vay. Thời hạn vay từ ngày 27/3/2020 đến ngày 27/3/2023. Nhưng nếu quá 1 tháng mà bên vay không trả lãi thì thời hạn nêu trên hết giá trị thực hiện, bên vay phải hoàn vốn lại cho bên cho vay. Việc giao nhận tiền được hoàn tất sau khi ký hợp đồng này. Khi nhận tiền đầy đủ hai bên mới ký kết trong hợp đồng này để làm bằng; lãi trả hàng tháng, vốn trả dần hoặc 1 lần khi đáo hạn; Khoản vay này không liên quan đến các khoản nợ, vay, giao dịch khác. Người cho vay và giao tiền là Nguyên đơn đã ký, ghi rõ họ tên; Người vay tiền và nhận tiền là Bị đơn đã ký và ghi rõ họ tên.

Căn cứ quy định về nghĩa vụ của bên cho vay tại Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Nguyên đơn đã chứng minh được việc đã giao đầy đủ 2.000.000.000đ cho Bị đơn.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ Nguyên đơn cung cấp thể hiện từ khi vay tiền đến nay Bị đơn không trả lãi, gốc cho Nguyên đơn, ngày 06/01/2022 Nguyên đơn đã có Thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn đối với Bị đơn nên việc khởi kiện trước hạn của Nguyên đơn là đúng quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn 2.000.000.000đ nợ gốc.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 27/3/2020 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mức lãi 20%/năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Hợp đồng vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay ngày 27/3/2020 giữa Nguyên đơn và Bị đơn thì hai bên thỏa thuận Bị đơn phải trả Nguyên đơn lãi suất 2%/tháng/số tiền vay.

Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: ‘‘Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi xuất thì lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất; Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực’’.

Trong Hợp đồng vay vốn và cam kết nghĩa vụ trả nợ khoản tiền đã vay ngày 27/3/2020 giữa Nguyên đơn và Bị đơn thì hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả lãi 20%/năm là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, từ ngày 27/3/2020 đến ngày 24/11/2023 là 43 tháng 24 ngày, tiền lãi được tính cụ thể như sau:

2.000.000.000đ x 20%/năm x 43 tháng 27 ngày = 1.463.333.330đ

[6] Như vậy, tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2023 Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn là: 2.000.000.000đ +1.463.333.330đ = 3.463.333.330đ.

[7] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 101.266.667đ án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 465; Điều 466; Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Đoàn Văn Đ.

Buộc ông Nguyễn Phước V có trách nhiệm trả cho ông Đoàn Văn Đ 3.463.333.330đ (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng), bao gồm: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) nợ gốc và 1.463.333.330đ (Một tỷ bốn trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng) nợ lãi.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Kể từ ngày ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Phước V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5/ Về án phí: Ông Nguyễn Phước V phải chịu 101.266.667đ (Một trăm linh một triệu hai trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn Đ, ông Nguyễn Phước V, bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Nguyễn Thị Hải Y có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
-Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương